

T&DL QUẢNG NGÃI	
Số: 466	
Ngày: 16/9	
Chuyên: P. DV. VK	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh

Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh,¹

¹ Thông tư số 07/2016/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016 có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL."

Sao chụp,
Gửi:
- BGD
- PNVH
- TTVA
- TTA
- VP
- BKHC
(Trg Web)
Cau nh

16/9/2016



HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu văn hoá phẩm không nhằm mục đích kinh doanh bao gồm: Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu văn hoá phẩm; hoạt động tạm xuất khẩu - tái nhập khẩu, tạm nhập khẩu - tái xuất khẩu văn hoá phẩm.

Mục 2

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM

Điều 2. Văn hoá phẩm xuất khẩu

Văn hoá phẩm xuất khẩu không cần giấy phép của cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP bao gồm những loại sau:

1. Các loại băng ghi âm, đĩa ghi âm, băng ghi hình, đĩa ghi hình các loại phim, các loại băng từ, đĩa mềm, đĩa cứng, đĩa quang đã ghi nội dung, các sản phẩm công nghệ nghe nhìn khác đã ghi thông tin ở dạng chữ viết, âm thanh, hình ảnh đã phát hành, lưu hành hợp pháp tại Việt Nam.

2. Các loại phim chụp ảnh, băng, đĩa ghi tiếng, ghi hình có nội dung về sinh hoạt cá nhân, gia đình.

3. Các loại tranh, tượng, tác phẩm mỹ thuật không vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP là tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức và không phải là di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

Điều 3. Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu

1. Cá nhân, tổ chức có văn hóa phẩm phải được giám định trước khi xuất khẩu theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị giám định tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch có thẩm quyền được quy định tại Điều 4 Thông tư này. Hồ sơ đề nghị giám định gồm:

a) Đơn đề nghị giám định văn hóa phẩm (mẫu đơn BM.GĐ ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Văn hóa phẩm đề nghị giám định;

c)² Bản sao quyết định cho phép hợp tác làm phim với nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền; bản sao quyết định cho phép xuất khẩu di vật, cổ vật (bao gồm cả di vật, cổ vật tái xuất khẩu) của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

² Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1, Điều 2 của Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

d) Tài liệu có liên quan chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp của di vật, cổ vật.

2.³ Thời gian giám định tối đa không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc. Biên bản giám định văn hóa phẩm là cơ sở để cơ quan hải quan giải quyết thủ tục xuất khẩu văn hóa phẩm.

Điều 4. Thẩm quyền giám định văn hóa phẩm xuất khẩu

Cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch có trách nhiệm giám định văn hóa phẩm xuất khẩu theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau:

1. Phòng Quản lý xuất nhập văn hóa phẩm thuộc Văn phòng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm thủ tục giám định văn hóa phẩm đối với cá nhân, tổ chức ở Trung ương.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền làm thủ tục giám định văn hóa phẩm đối với cá nhân, tổ chức tại địa phương.

Điều 5. Văn hóa phẩm nhập khẩu

Phim điện ảnh, phim truyền hình được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP bao gồm các loại: Phim để chiếu, phát sóng, làm mẫu giới thiệu, trình Hội đồng duyệt, phổ biến, phát hành theo quy định của pháp luật trên các hệ thống rạp, hệ thống truyền hình trong toàn quốc hoặc trên địa bàn từ hai địa phương trở lên.

Điều 6. Hồ sơ nhập khẩu văn hóa phẩm

Giấy tờ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP được áp dụng như sau:

1. Cá nhân, tổ chức nhập khẩu phim để phổ biến theo quy định của pháp luật phải cung cấp giấy chứng nhận bản quyền tác giả; hợp đồng; bản dịch tóm tắt nội dung phim.

2. Cá nhân, tổ chức nhập khẩu di vật, cổ vật phải cung cấp giấy chứng nhận hoặc cam kết sở hữu hợp pháp đối với di vật, cổ vật.

3. Cá nhân, tổ chức làm dịch vụ giao nhận vận chuyển văn hóa phẩm nhập khẩu cho khách hàng phải cung cấp giấy ủy quyền.

³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 của Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

Điều 7. Văn hóa phẩm của cá nhân, tổ chức được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao

Cá nhân, tổ chức Việt Nam nhận văn hóa phẩm nhập khẩu của cá nhân, tổ chức được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao quy định tại Điều 12 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP trực tiếp làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm tại cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Điều 8. Thẩm quyền của cơ quan cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm

Cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch có thẩm quyền cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau:

1. Phòng Quản lý xuất nhập khẩu văn hoá phẩm thuộc Văn phòng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm thủ tục đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch uỷ quyền làm thủ tục đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 9. Ban hành kèm theo Thông tư này các mẫu

Giấy phép nhập khẩu văn hoá phẩm (BM.GP); Biên bản giám định và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu (BM.BBGĐ); Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm (BM.NK); Đơn đề nghị giám định văn hóa phẩm xuất khẩu (BM.GĐ); Niêm phong văn hóa (BM.NP) của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Mục 3

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành⁴

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.

⁴ Điều 5 Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016 đã quy định như sau:

“Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./”

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /./

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

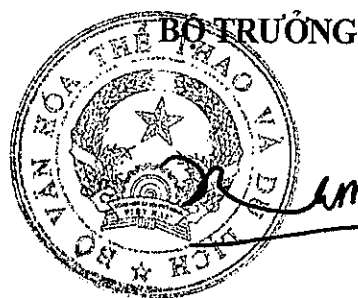
Số: 2641 /VBHN-BVHTTDL

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Công thông tin điện tử của Bộ (để đăng tải);
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Sở VHTTDL; SVHTT;
- Lưu: VT, PC, NA(120).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2016



Nguyễn Ngọc Thiện

